

Bản án số: 95/2020/DSPT
Ngày 19/06/2020
V/v Tranh chấp quyền về lối đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Lạc

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa
:Bà Lữ Thị Tuyết L - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:49/2020/TLPT-DS, ngày 04/03/2020 về việc “Tranh chấp quyền về lối đi ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2020/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Nguyệt S, sinh năm 1968 (có mặt);

2. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1970 (vắng);

3. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1972 (vắng);

Cùng địa chỉ: Tổ 09, Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Nguyệt S, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị M là bà Phạm Diễm Th, sinh năm 1980 (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 5 năm 2020, có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1938 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 9, Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn T là bà Nguyễn Thị Hồng T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (có mặt).*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Kim H, sinh năm 1972 (có mặt);

2. Anh Huỳnh Phú T1, sinh năm 1975 (vắng);

Cùng địa chỉ: Tổ 9, Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Huỳnh Phú T là anh Nguyễn Quang D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (có mặt).*

3. Ông Huỳnh Phú Đ, sinh năm 1981 (có mặt);

4. Anh Huỳnh Công T, sinh năm 1971(vắng).

Cùng địa chỉ: Tổ 9, Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Nguyệt S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2018, ngày 15 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nguyệt S, bà Huỳnh Thị L và bà Huỳnh Thị M trình bày:* Bà Huỳnh Thị Nguyệt S, bà Huỳnh Thị L và bà Huỳnh Thị M đang sử dụng thửa đất số 382 diện tích 176 m² tại Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do ông Huỳnh Văn K (là cha của bà S, bà L và bà M) đứng tên quyền sử dụng đất, phần đất này nằm giáp với phần đất thửa 13 diện tích 108,5 m² do Huỳnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất (ông T là em ruột ông K), trên đất ông T có cất một căn nhà tường, để đi ra đường chính, ông T có chừa cho gia đình bà S sử dụng lối đi phía bên hông nhà ông T, khi đo đạc theo chương trình Vlap ông T đo luôn phần đất lối đi này. Ông T vẫn chừa lối đi cho các nguyên đơn sử dụng nhưng khi ông T cất nhà mới kiên cố thì nâng nền cao ảnh hưởng đến lối đi đồng thời ông T đòi xây kín lối đi không cho các nguyên đơn sử dụng, trên lối đi có đường thoát nước của gia đình nguyên đơn do ông T làm nền quá cao gây khó khăn về thoát nước. Bà S, bà L và bà M khởi kiện yêu cầu ông T phải mở lối đi chiều ngang 02 mét, chiều dài 18 mét, thuộc thửa đất số 13, diện tích chung 108m², đồng ý trả giá trị đối với phần đất yêu cầu mở lối đi theo giá Nhà nước quy định.

- *Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:* Lối đi phía nguyên đơn yêu cầu vẫn giữ nguyên hiện trạng không thay đổi, khi ông T khởi công xây dựng nhà thì phía nguyên đơn ngăn cản không cho thợ hồ làm, ông T có trình báo với địa

phương đến lập biên bản sự việc và nguyên đơn cam kết không gây rối trật tự nữa. Ông T không đồng ý yêu cầu ông mở lối đi chiều ngang 2 mét, chiều dài 18 mét, diện tích chung 108m² tại Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do ông Huỳnh Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn là bà S, bà L và bà M vì nguồn gốc đất do ông bà để lại nên ông T có nghĩa vụ gìn giữ.

- Ông Huỳnh Công T1 trình bày: Ông T1 là con ông K và là cháu gọi ông T bằng chú, tại thửa đất số 13 diện tích 108m² do ông Huỳnh Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có lối đi có từ thời ông, bà, cha, mẹ ông Tuấn còn sống, không ai tranh chấp hay ngăn cản. Thời gian gần đây ông T1 cất nhà mới đồng thời không cho gia đình anh T1 sử dụng lối đi gây bức xúc nên gia đình anh T có nhờ đến chính quyền địa phương giải quyết. Ông T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S, bà L và bà M.

- Chị H, anh T2 và anh Đ trình bày: Thống nhất ý kiến của cha là ông Huỳnh Văn T và không có ý kiến trình bày thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 39; khoản 1 Điều 147; Điều 165, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 100, 166 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nguyệt S, bà Huỳnh Thị L và bà Huỳnh Thị M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về dành cho nguyên đơn một vụ kiện khác khi có đủ điều kiện khởi kiện và có yêu cầu quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề, về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá T sản, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2019 nguyên đơn bà S kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu mở lối đi tại thửa đất số 13, diện tích chung 108m² tại Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà S do chị Th đại diện thay đổi nội dung kháng cáo là yêu cầu ông T mở lối đi tại thửa đất số 13, diện tích 16,1m², đồng ý trả cho ông T giá trị thiệt hại về đất là 800.000đ/m².

- Ông T không đồng ý nội dung kháng cáo của bà S, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T như sau:*
Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà S buộc ông T mở lối đi thuộc thửa đất số 13, diện tích 108m² loại đất ở do ông Huỳnh Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T2 như sau:*
Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà S buộc ông T mở lối đi thuộc thửa đất số 13, diện tích 108m² loại đất ở do ông Huỳnh Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Bà S yêu cầu ông T dành cho bà S lối đi bên hông nhà ông T ra đường đal, có diện tích theo đo đạc là 16,1m². Bà S đồng ý bồi hoàn cho ông T số tiền 12.880.000đ và quyền sử dụng đất vẫn do ông T đứng tên. Ông Huỳnh Văn T có căn nhà trên phần đất thuộc thửa 13 diện tích 108,5m² do ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Phía sau nhà ông T là nhà của vợ chồng bà Phạm Thị D và ông Huỳnh Văn K (là anh ruột của ông T và là cha mẹ của các nguyên đơn) nằm trên phần đất thuộc thửa 382 diện tích 176m² do ông Huỳnh Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà này có cửa chính hướng ra thửa 390 và phần đất của Chùa Ông, phần cửa sau hướng ra đường đal cặp hông nhà ông T, gia đình nguyên đơn sử dụng lối đi qua đất ông T từ rất lâu. Ông Khả chết năm 1992, bà Dậu chết năm 2006. Sau khi ông K, bà D chết, các con của ông Khả, bà Dậu là bà S, bà M, bà L và ông Tuấn ngăn đôi căn nhà làm 02 phần. Phần phía trước do ông Tuấn quản lý giữ nguyên hiện trạng sử dụng lối đi của đường Chùa, phần phía sau bà S, bà L, bà M sửa chữa quay mặt cửa chính căn nhà về hướng nhà ông T và tiếp tục sử dụng lối đi bên hông nhà ông T. Năm 2018 ông T sửa chữa nhà và không cho bà S đi nhờ qua đất nên bà S yêu cầu ông T dành cho gia đình bà S lối đi diện tích là 16,1m², gia đình bà S đồng ý bồi thường cho ông T số tiền 12.880.000đ. Tại biên bản hoà giải ngày 11/4/2018 của UBND phường Đông Th, ông T thống nhất dành lối đi cho gia đình bà S lối đi có chiều ngang 1m, ngoài lối đi này thì bà S không còn lối đi khác. Do đó, buộc ông Huỳnh Văn T dành cho bà S lối đi chung để ra đường công cộng có diện tích 16,1m² là phù hợp. Bà S đồng ý bồi hoàn cho ông T số tiền 12.880.000đ và quyền sử dụng đất vẫn do ông T đứng tên giấy chứng nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Nguyệt S; Sửa án sơ thẩm. Buộc ông Huỳnh Văn T dành cho bà S lối đi chung có diện tích 16,1m² theo kết quả trích đo ngày 14/6/2019 của Phòng T nguyên và môi trường thị xã

B. Buộc bà S bồi hoàn cho ông T số tiền 12.880.000đ. Bà S phải chịu án phí án phí sơ thẩm đối với số tiền 12.880.000đ x 5% = 664.000đ.

Về án phí phúc thẩm: Bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa sơ thẩm xét xử ngày 25/11/2019 đến ngày 05 tháng 12 năm 2019 nhận đơn kháng cáo của bà S còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Bà S, bà L và bà M đang sử dụng thửa đất 382 diện tích 176m² tại Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do cha ruột Huỳnh Văn Khả đứng tên quyền sử dụng đất, trên đất có một căn nhà do bà S, bà L và bà M quản lý sử dụng, để đi ra đường chính, gia đình bà S phải đi qua phần đất thửa 13 diện tích 108,5 m² của người chú ruột tên Huỳnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất, phần đất ông T nằm cặp đường đal, trên đất ông T có xây dựng một căn nhà tường, phía trước nhà là con đường đal, từ đường đal nhìn vào phía bên phải căn nhà có một phần đất lối đi ngang khoảng 1m, chiều dài tính từ đường đal vào tới thửa đất 382 của gia đình bà S khoảng 16m, đây là lối đi gia đình bà S sử dụng làm lối đi chung với gia đình ông T ra đường đal, ông T chỉ cho gia đình bà S đi tạm khi nào Tòa án giải quyết xong sẽ rào lại lối đi.

[3] Ông T thừa nhận ông T và ông K là anh em ruột, đất lối đi có nguồn gốc là của cha mẹ cho con, khi cha mẹ cho đất thì ông K cất nhà sinh sống trên đất có sử dụng lối đi cặp đường chùa đi ra đường đal, ông T có chừa một lối thoát hiểm mà nguyên đơn cho rằng là lối đi gia đình ông K sử dụng, khi ông Khả chết thì các con ông K là bà S, bà L và bà M tiếp tục sử dụng lối đi này và lối đi đường chùa để đi ra đường đal. Ông T không đồng ý mở lối đi trên đất của ông T theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[4] Xét thấy, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Huỳnh Văn T đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 13 diện tích 108,5m², trên đất có một căn nhà tường của ông T, phía sau đất thửa đất 382 diện tích 176m² do ông Huỳnh Văn K (anh ruột ông T) đứng tên quyền sử dụng đất, trên đất thửa đất 382 có căn nhà của vợ chồng ông K, bà D và các con là bà S, bà L, bà M và ông T1 quản lý, sử dụng. Căn nhà này có cửa chính hướng ra thửa 390 và phần đất lối đi nằm cặp Chùa Ông, phần cửa sau hướng ra lối đi bên hông nhà ông T

ra đường đal, gia đình nguyên đơn sử dụng lối đi qua đất ông T từ rất lâu, năm 1992 ông K chết, năm 2006 bà D chết, các con của ông K, bà D là bà S, bà M, bà L và ông T1 ngăn đôi căn nhà làm 02 phần. Phần căn nhà phía trước do ông T1 quản lý sử dụng nên sử dụng lối đi nằm cặp chùa Ông, phần phía sau căn nhà bà S, bà L, bà M đã sửa chữa cửa chính căn nhà hướng về phía nhà của ông T và tiếp tục sử dụng lối đi bên hông nhà ông T để đi ra đường đal.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận, lối đi cặp hông nhà của ông T có từ rất lâu, từ khi ông K, bà D còn sống, sau đó chị em bà S tiếp tục sử dụng. Năm 2018 khi xây dựng sửa chữa nhà, ông T cũng chừa lối đi cặp hông nhà cho chị em của bà S sử dụng làm lối đi thể hiện tại biên bản hoà giải ngày 11/4/2018 của UBND phường Đông Th (bút lục số 50) có nội dung ông T thống nhất để lối đi trên phần đất của ông T cho gia đình cháu của ông đi có chiều ngang từ ranh đất của ông Quý (có vách tường) qua 1 mét, dài từ đường đal đến giáp phần đất của bà S, bà L và bà M. Hiện tại căn nhà của bà S có cửa chính quay ra hướng nhà ông T, ngoài lối đi này thì bà S không còn lối đi khác.

[6] Theo Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 qui định “*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi bất động sản của chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ....*”. Xét thấy, phần đất của ông T và phần đất bà S đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của ông bà được phân chia cho hai người con là ông T và ông K, khi phân chia phải dành lối đi cho người phía trong bảo đảm thuận tiện. Do vậy, buộc ông T dành cho bà S lối đi để ra đường công cộng có diện tích $16,1m^2$ theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất của Phòng T nguyên và Môi trường thị xã B là phù hợp. Bà S tự nguyện đền bù thiệt hại cho ông T giá trị $16,1 m^2 \times 800.000đ/m^2 = 12.880.000đ$ và đồng ý để ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, sửa án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định:

- Ông T phải nộp án phí không giá ngạch đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận là 300.000đồng. Ông T thuộc diện người cao tuổi theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên ông T miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

- Bà S phải nộp án phí đối với số tiền phải trả cho ông T là $12.880.000đ \times 5\% = 644.000đ$.

- Về chi phí xem xét thẩm định cấp phúc thẩm: Bà S tự nguyện nộp 1.500.000đ, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng, bà S đã nộp xong.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về dành cho nguyên đơn một vụ kiện khác khi có đủ điều kiện khởi kiện và có yêu cầu quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề, về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá T sản không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Nguyệt S .
- Sửa bản án sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 254 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 170, 171 của Luật Đất đai 2013; các Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nguyệt S.

1.1. Buộc ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ dành cho gia đình bà Huỳnh Thị Nguyệt S phần đất lối đi có diện tích 16,1 m² thuộc tách thửa số 13, loại đất ở, tọa lạc tại Khóm Đông B, phường Đông Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất có vị trí gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất 14/06/2019 của Phòng T nguyên và Môi trường thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (kèm theo bản án).

1.2. Bà Huỳnh Thị Nguyệt S có trách nhiệm đền bù thiệt hại về việc sử dụng phần đất lối đi cho ông Huỳnh Văn T bằng số tiền 12.880.000đ (mười hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét thẩm định cấp phúc thẩm :

- Bà Huỳnh Thị Nguyệt S tự nguyện nộp 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng, bà S đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn T được miễn nộp án phí sơ thẩm;
- Bà Huỳnh Thị Nguyệt S không phải nộp án phí phúc thẩm nhưng phải nộp án phí sơ thẩm là 644.000đồng (sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) được

khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 468.000 đồng (bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009289 ngày 29/8/2018 và số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009955 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Bà Huỳnh Thị Nguyệt S, bà Huỳnh Thị L và bà Huỳnh Thị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 124.000 đồng (một trăm hai mươi bốn ngàn đồng) .

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về dành cho nguyên đơn một vụ kiện khác khi có đủ điều kiện khởi kiện và có yêu cầu quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề, về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá T sản, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND thị xã B ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung